TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09-5-2022.
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Tư;

2. Bà Nguyễn Thị Ninh Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Sử Ngọc Quân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh T.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Bích T**, sinh năm 1990; địa chỉ: Số nhà 9A, hẻm 4, đường L, khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh T (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Dương Hoàng H**, sinh năm 1985; địa chỉ: Số nhà 9A, hẻm 4, đường L, khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bích T trình bày:

Chị và anh Dương Hoàng H chung sống với nhau từ năm 2009, do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại tại UBND phường H, thị xã H, tỉnh T. Vợ chồng chị chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không phù hợp, vợ chồng thường xuyên gây gỗ, nên cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay chị thấy

cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung Dương Quốc T, sinh năm 2009, Dương Gia M, sinh năm 2010, Dương Gia K, sinh năm 2016, ly hôn chị yêu cầu nuôi 03 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không có ai khác nợ lại hai vợ chồng.

*** Ý kiến và yêu cầu của bị đơn anh Dương Hoàng H:**

Anh H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh T phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Bích T, chị T được ly hôn với anh H. Về con chung giao 03 con chung Dương Quốc T, sinh năm 2009, Dương Gia M, sinh năm 2010, Dương Gia K, sinh năm 2016 cho chị T nuôi dưỡng, ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị T không yêu cầu nên không giải quyết.

Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị Huỳnh Thị Bích T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Dương Hoàng H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về hôn nhân: chị Huỳnh Thị Bích T và anh Dương Hoàng H chung sống với nhau từ năm 2009 và có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại ủy ban nhân dân phường Hiệp Tân, thị xã H, tỉnh T. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Theo chị T thì cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên gây gỗ, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay chị T không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu ly hôn. Anh H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt thể hiện không có thiện chí muốn hàn gắn quan hệ vợ

chồng. Do đó xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh H.

[3] Về con chung: Chị T, anh H có 03 người con chung tên Dương Quốc T, sinh năm 2009, Dương Gia M, sinh năm 2010, Dương Gia K, sinh năm 2016. Các con chung hiện tại đang sống chung với chị T, các cháu Thái, Minh cũng có nguyện vọng sống chung với mẹ. Chị T có thu nhập ổn định, đảm bảo được cho cuộc sống cho các con do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị T được quyền nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh H không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh T là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Bích T đối với anh Dương Hoàng H.

2. Về con chung: Giao 03 con chung là các cháu Dương Quốc T, sinh năm 2009, Dương Gia M, sinh năm 2010, Dương Gia K, sinh năm 2016 cho chị Huỳnh Thị Bích T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Huỳnh Thị Bích T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0009899 ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh T, chị T đã nộp xong án phí.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND thị xã H;
- Chi cục THADS thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm Ly